TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2019/HNGĐ-ST
Ngày 01/11/2019
"Về việc: Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông **Nguyễn Đức Tùng**.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Tống Xuân Quyết**.

2. Ông **Hoàng Huy Phúc**.

- *Thư ký phiên toà*: Bà **Nguyễn Thị Huệ** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà **Vũ Phương Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 01/11/2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 228/2019/TLST-HNGĐ, ngày 07/10/2019 về việc "*Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/10/2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị M, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn 2, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Lê Văn N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn 1 T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị M, anh N vắng mặt tại phiên tòa và đều có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Theo đơn khởi kiện, tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Dương Thị M trình bày***:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị với anh Lê Văn N chung sống với nhau từ năm 2013 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, cũng không được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Việc chị và anh Nh chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc gì. Quá trình chung sống chị và anh N sống hạnh phúc với nhau bình thường, đến đầu năm 2018 thì chị và anh N xảy ra mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu

thuẫn là do tính cách giữa chị với anh N không hợp nhau; Vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế; do anh N thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau, không tôn trọng và không tin tưởng nhau. Chị xác định không còn tình cảm với anh N, mâu thuẫn giữa chị với anh N đã căng thẳng, trầm trọng, vì chị và anh N đã sống ly thân nhau từ giữa năm 2018 đến nay, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa. Chị M đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Lê Văn N.

- *Về con chung*: Chị M xác định quá trình chung sống chị và anh N có 01 con chung là cháu Lê Hương Trà, sinh ngày 24/11/2014. Ly hôn chị M nhất trí để anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Hương Trà, sinh ngày 24/11/2014 đến khi trưởng thành. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N.

- *Về tài sản chung, đất đai chung*: Chị M xác định quá trình chung sống chị và anh N không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Chị M xác định quá trình chung sống chị và anh N không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, bị đơn anh Lê Văn N trình bày***:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh với chị Dương Thị M chung sống với nhau từ năm 2013 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, cũng không được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Việc anh và chị M chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc gì. Quá trình chung sống anh và chị M sống hạnh phúc với nhau bình thường, đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa anh với chị M không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau, không tôn trọng và không tin tưởng nhau. Anh N xác định không còn tình cảm với chị M, mâu thuẫn giữa anh với chị M đã căng thẳng, trầm trọng, vì anh và chị M đã sống ly thân nhau từ giữa năm 2018 đến nay, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau nữa. Anh N nhất trí đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh với chị Dương Thị M.

- *Về con chung*: Anh N xác định quá trình chung sống anh và chị M có 01 con chung là cháu Lê Hương Trà, sinh ngày 24/11/2014. Ly hôn anh N đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Hương Trà, sinh ngày 24/11/2014 đến khi trưởng thành. Anh N không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- *Về tài sản chung, đất đai chung*: Anh N xác định quá trình chung sống anh và chị M không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung*: Anh N xác định quá trình chung sống anh và chị M không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị M và anh N cùng vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị M và anh N cùng giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã Tân Thành, huyện Hàm Yên ngày 14/10/2019 kết quả như sau: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND xã Tân Thành, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang từ năm 2013 đến nay không thể hiện việc chị Dương Thị M có đăng ký kết hôn với anh Lê Văn N. Đồng thời Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên ngày 16/10/2019 kết quả như sau: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang không thể hiện việc chị Dương Thị M có đăng ký kết hôn với anh Lê Văn N.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị M về việc đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thị M với anh Lê Văn N. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị M với anh N về con chung, cụ thể: Giao cháu Lê Hương Trà, sinh ngày 24/11/2014 cho anh Lê Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N. Ngoài ra còn đề nghị trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Dương Thị M và anh Lê Văn N chung sống với nhau từ năm 2013 đến nay, trước khi chung sống được tự do tìm hiểu nhưng không được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương cũng

không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh N là không hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*". Như vậy, chị M và anh N chung sống với nhau từ năm 2013 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thực tế chị M và anh N đã sống ly thân nhau từ giữa năm 2018 đến nay, trong thời gian sống ly thân nhau thì chị M và anh N không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa, vì vậy chị M làm đơn yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh N. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên cũng đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh N, xét thấy yêu cầu của chị Dương Thị M và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy Hội đồng xét xử cần xử không công nhận chị Dương Thị M và anh Lê Văn N là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. *Về con chung*: Chị Dương Thị M và anh Lê Văn N cùng xác định có 01 con chung là cháu Lê Hương Trà, sinh ngày 24/11/2014. Hiện nay cháu Lê Hương Trà đang ở cùng với anh N, chị M và anh N cùng tự nguyện thỏa thuận. Ly hôn anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hương Trà, sinh ngày 24/11/2014 đến khi cháu Trà trưởng thành. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3]. *Về tài sản chung, đất đai chung*: Chị Dương Thị M và anh Lê Văn N cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. *Về vay nợ chung*: Chị Dương Thị M và anh Lê Văn N cùng xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Dương Thị M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Dương Thị M và anh Lê Văn N là vợ chồng.

- *Về con chung:* Giao cháu Lê Hương Trà, sinh ngày 24/11/2014 cho anh Lê Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Dương Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Lê Văn N. Chị Dương Thị M có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, ngăn cấm. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị Dương Thị M phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng*(Ba trăm nghìn đồng)* tại Biên lai số 0002415 ngày 07/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị Dương Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo*: Chị Dương Thị M và anh Lê Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Tân Thành;
- UBND xã Nhân Mục;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đức Tùng